

TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ NƯỚC QUỐC TẾ

PHIÊN BẢN 2.0
22.03.2019

Please note that while we attempt to keep all versions of AWS documentation up to date, the original AWS Standard 2.0 and Guidance, published in English and downloaded as a PDF via a4ws.org, remains the official version and the one used for certification purposes.

Xin hãy lưu ý rằng mặc dù chúng tôi cố gắng đảm bảo rằng tất cả các tài liệu AWS là cập nhật nhưng Bản Tiêu chuẩn AWS 2.0 và Hướng dẫn, được công bố bằng tiếng Anh và được tải về dưới dạng PDF via a4ws.org, vẫn là phiên bản chính thức và là phiên bản được sử dụng cho mục đích chứng nhận.

TUYÊN BỐ CHÍNH THỨC

Tài liệu này mô tả Tiêu chuẩn AWS và là tài liệu chủ chốt trong Hệ thống Tiêu chuẩn AWS. Tiêu chuẩn AWS bao gồm Bảng thuật ngữ, Giới thiệu, năm bước và các Tiêu chí và Chỉ số liên quan. Phần Giới thiệu, các bước, Tiêu chí, Chỉ số và Bảng thuật ngữ được coi là mang tính quy chuẩn. Phần Giới thiệu chỉ mang tính cung cấp thông tin, song cũng rất quan trọng để nắm bắt các Quy định quy chuẩn.

DANH MỤC CÁC THAM KHẢO QUY CHUẨN

Các tài liệu liệt kê dưới đây bao gồm các điều khoản mà theo tham chiếu tại tài liệu này, trở thành một phần của tài liệu. Phần chữ của tài liệu này có thể bổ sung, xóa hoặc sửa đổi các quy định trong các tài liệu này. Khi một tài liệu tham chiếu quy chuẩn có sự khác biệt so với tài liệu này, các quy định nêu trong tài liệu này sẽ được áp dụng. Lưu ý: Khi các tài liệu tham chiếu quy định ngày hoặc số phiên bản của các đợt sửa đổi hay điều chỉnh gần nhất của tài liệu đó thì không áp dụng như một quy định quy chuẩn. Đối với tài liệu không có ngày hoặc số phiên bản thì áp dụng phiên bản mới nhất được công bố của tài liệu tham chiếu đó.

(i) Không có Tham khảo Quy chuẩn

THÔNG CÁO PHÁP LÝ

Nếu bất kỳ Tiêu chí và/hoặc Chỉ số nào của Tiêu chuẩn quản lý nước bền vững AWS có trong tài liệu này mâu thuẫn với luật pháp địa phương hoặc quốc gia, thì luật pháp địa phương hoặc quốc gia sẽ được áp dụng.

TÍNH PHÙ HỢP

Để phù hợp với Tiêu chuẩn này, người sử dụng phải tuân thủ tất cả các Tiêu chí và Chỉ số.

THÔNG CÁO VỀ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc bản quyền của nhà xuất bản, và không phần nào của tài liệu này được sao chép hoặc nhân bản dưới bất cứ hình thức gì hoặc phương tiện nào (đồ họa, điện tử, hoặc cơ học, bao gồm nhân bản, ghi chép dữ liệu, ghi âm, hoặc các hệ thống lưu trữ thông tin) mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của nhà xuất bản.

AWS nghiêm cấm bất kỳ sửa đổi một phần hay toàn bộ nội dung dưới bất cứ hình thức nào.

Các bản in không được kiểm soát và chỉ có ý nghĩa tham chiếu. Vui lòng tham khảo bản điện tử trên trang web quốc tế của AWS (www.a4ws.org) để chắc chắn rằng bạn đang tham chiếu phiên bản mới nhất.

CÔNG BỐ VỀ DIỄN GIẢI, CÁC TRANH CHẤP VÀ KHIẾU NẠI

Các câu hỏi về diễn giải Tiêu chuẩn Quản lý nước bền vững AWS được giải quyết thông qua các thủ tục cho Chủ Chương trình, Liên minh Nước Bền vững quy định. Khi phát sinh tranh chấp và khiếu nại giữa các bên liên quan về việc tuân thủ hoặc diễn giải Tiêu chuẩn AWS, các thủ tục AWS liên quan đến giải quyết tranh chấp và diễn giải sẽ được áp dụng.

LƯU Ý VỀ PHIÊN BẢN NÀY

Liên minh Nước bền vững, với tư cách là Chủ Chương trình, chịu trách nhiệm đối với tài liệu này, và sẽ rà soát, cập nhật tài liệu theo định kỳ. Phiên bản tiếp theo dự định phát hành trong 2023. Liên minh Nước bền vững cũng hoan nghênh các góp ý cho tài liệu này vào bất cứ khi nào. Địa chỉ liên hệ: info@a4ws.org. Alliance for Water Stewardship, 2 Quality Street, North Berwick, Scotland, EH39 4HW.

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 22 THÁNG 3 NĂM 2019

Phiên bản Tiêu chuẩn AWS này có hiệu lực ngày 22 tháng 3 năm 2019. Phiên bản này thay thế toàn bộ các phiên bản trước đó, và bao gồm các quy định mới và quy định đã thay đổi. Các tổ chức bắt đầu việc cấp chứng chỉ vào hoặc trước ngày 1 tháng 5 năm 2019 sẽ áp dụng phiên bản này. Các tổ chức đã được chứng nhận vào hoặc sau ngày 22 tháng 3 năm 2018 cần tuân thủ tất cả các quy định áp dụng trong quá trình kiểm toán giám sát và tái cấp chứng chỉ theo Tài liệu AWS có tên là “Chuyển đổi AWS trong cấp chứng chỉ theo Tiêu chuẩn AWS phiên bản 2.0_tháng 3/2019”.

NGÀY XUẤT BẢN ĐẦU TIÊN: 22 THÁNG 3 NĂM 2019

PHIÊN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH		
Số phiên bản:	Ngày:	Mô tả sửa đổi:
V1.0	08/04/2008	Phiên bản đầu tiên. Ngày phê duyệt: 08/04/2014
V2.0	22/03/2019	Phiên bản thứ hai. Ngày phê duyệt: 08/01/2019

LƯU Ý VỀ KHÁC BIỆT NGÔN NGỮ

Việc dịch thuật tài liệu tiêu chuẩn này và các tài liệu khác trong Hệ thống AWS có thể do các bên khác thực hiện. Nếu có sự khác biệt giữa phiên bản tiếng Anh và các phiên bản ngôn ngữ khác, phiên bản tiếng Anh sẽ được áp dụng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Alliance for Water Stewardship
International Secretariat
2 Quality Street
NorthBerwick,EH394HW
Scotland

www.a4ws.org
info@a4ws.org

Trang 4	GIỚI THIỆU
Trang 8	BƯỚC 1: THU THẬP THÔNG TIN VÀ TÌM HIỂU
Trang 12	BƯỚC 2: CAM KẾT VÀ LẬP KẾ HOẠCH
Trang 14	BƯỚC 3: TRIỂN KHAI
Trang 18	BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ
Trang 20	BƯỚC 5: TRUYỀN THÔNG & CÔNG BỐ THÔNG TIN
Trang 22	BẢNG THUẬT NGỮ

GIỚI THIỆU TIÊU CHUẨN AWS

Liên minh Bảo tồn Nước (AWS) là tổ chức hợp tác toàn cầu giữa các thành viên là doanh nghiệp, tổ chức phi Chính phủ (NGO) và khu vực công. Các thành viên của chúng tôi đóng góp cho sự bền vững của các nguồn nước địa phương thông qua việc áp dụng và thúc đẩy một khung khổ toàn cầu về sử dụng nước bền vững - Tiêu chuẩn Quản lý nước quốc tế, hoặc gọi tắt là Tiêu chuẩn AWS.

Tiêu chuẩn AWS có mục tiêu đẩy mạnh quản lý nước bền vững, cái mà chúng tôi định nghĩa là: *việc sử dụng nước một cách bình đẳng về xã hội và văn hóa, bền vững về môi trường và mang lại lợi ích về kinh tế, được thực hiện thông qua một quá trình có sự tham gia của các bên liên quan, trong đó có các hành động dựa trên địa bàn và lưu vực.*

Các đơn vị quản lý nước bền vững hiểu rõ thực trạng sử dụng nước của họ, bối cảnh lưu vực và những quan ngại chung về quản trị nước; cân bằng nước; chất lượng nước; các Khu vực quan trọng liên quan đến nước (IWRAs); Nước và Vệ sinh (WASH), và từ đó tham gia vào các hành động ý nghĩa của cá nhân cũng như tập thể nhằm đem lại lợi ích cho người dân, cho nền kinh tế và tự nhiên.

NƯỚC MANG TÍNH CHẤT SỐNG CÒN ĐỐI VỚI NHIỀU MẶT CỦA SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT, ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ CON NGƯỜI.

Nước cần rất thiết cho phát triển và duy trì nền kinh tế một cách thành công và lành mạnh cũng như cho sức khỏe và đời sống của con người. Tuy vậy, chúng ta phải sử dụng nước một cách có trách nhiệm và bền vững để bảo vệ nhu cầu của môi trường tự nhiên và đảm bảo sự sẵn có của nước với tư cách là một nguồn lực cần thiết và là quyền con người.

Bất cứ một tổ chức kinh doanh có trách nhiệm nào cũng nên cam kết không gây hại đối với môi trường tự nhiên và cộng đồng, cũng như mong muốn đạt được lợi ích ròng. Bên cạnh đó, có thể xây dựng một luận chứng rõ ràng về quản lý nước bền vững trên Cơ sở các rủi ro về vật chất, quy định và danh tiếng. Việc tiết kiệm nước có thể không đem lại lợi ích tài chính đáng kể (do chi phí nước thường thấp), song việc hiểu rõ và quản lý rủi ro có thể giúp doanh nghiệp không phải mất những chi phí lớn và không lường trước do các vấn đề về chất lượng và số lượng, điều cũng có thể cản trở sự tăng trưởng của doanh nghiệp cũng như các lợi ích kinh tế - xã hội quan trọng khác. Ngoài việc giảm thiểu rủi ro vật chất, việc quản lý nước bền vững có thể bảo vệ một tổ chức khỏi những vi phạm về quy định và tác động tiêu cực về danh tiếng, cũng như có thể đem lại tác động danh tiếng tích cực và tạo lợi ích ròng cho tự nhiên và xã hội. Xác định và giải quyết những thách thức và rủi ro cũng giúp hiểu rõ hơn các cơ hội đi kèm với việc quản lý nước bền vững.

Về nguyên tắc, nước là một nguồn tài nguyên tái tạo vô tận với điều kiện được quản lý một cách có trách nhiệm và bền vững. Nước mà chúng ta thấy và sử dụng hàng ngày được tuần hoàn trên hành tinh trong hàng triệu năm. Tuy vậy, nước ngọt bị thất thoát trong vòng tuần hoàn nước nếu bị ô nhiễm, hoặc bị khai thác nhanh hơn so với khả năng bổ sung. Những áp lực ngày càng tăng đối với nước ngọt, về cả số lượng và chất lượng, đã được tài liệu hóa, và do một loạt các yếu tố gây nên, bao gồm tăng dân số, tăng trưởng kinh tế, tăng nhu cầu về thực phẩm, mức sống được cải thiện, và do khí hậu. Môi trường tự nhiên và các cộng đồng dễ bị tổn thương chịu nhiều ảnh hưởng đáng kể. Cần phải đạt được nhiều tiến bộ hơn nữa trong thực hiện và hoàn thành các nguyên tắc về quản lý nước bền vững để đảm bảo rằng việc sử dụng nước cho nhu cầu của con người và phát triển kinh tế sẽ không tiếp tục gây đứt gãy vòng tuần hoàn nước bền vững, hoặc không gây tổn hại đối với tự nhiên và đa dạng sinh học như hiện nay.

NƯỚC LÀ TÀI SẢN ĐỊA PHƯƠNG

Các vấn đề và rủi ro về nước có sự khác biệt lớn giữa các khu vực trên thế giới, tùy thuộc vào các yếu tố như: khí hậu, địa lý, địa chất, mật độ dân số, mức độ phát triển công nghiệp và nông nghiệp, và sự phát triển của quy định và quản trị về nước.

Cấu phần cơ bản của một môi trường nước địa phương là lưu vực sông hoặc khu tập trung nước – theo khía cạnh đó là nơi một tổ chức thực hiện cung cấp nước, cũng là nơi tiếp nhận nước và nước thải. Một lưu vực phù hợp cho một khu vực có thể có toàn bộ là nước mặt (ví dụ như lưu vực sông), toàn bộ là nước ngầm (ví dụ như một tầng ngầm nước), hoặc là kết hợp cả hai hệ thống (xem định nghĩa về “lưu vực” trong Bảng thuật ngữ).

Không nên xem nhẹ bản chất địa phương của nước bởi các mối quan hệ có thể rất phức tạp trong nội bộ lưu vực sông hoặc giữa các khu vực lưu vực với nhau, đặc biệt là đối với đối tượng sử dụng nước phải thu nước từ nhiều nguồn. Với bất cứ khu vực nào, cũng phải hiểu rõ hành vi và sự di chuyển của nước trong môi trường, và các rủi ro có liên quan.

LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI CỦA CHÚNG TÔI

Các thành viên của Liên minh Bảo tồn nước cùng đoàn kết với mục tiêu chung của tổ chức là phát triển các Tiêu chuẩn AWS – nhằm cung cấp một khung khổ chung, đáng tin cậy, có thể áp dụng toàn cầu đối với đối tượng sử dụng nước chính nhằm hiểu rõ việc họ sử dụng nước và các tác động phát sinh, cũng như làm việc trên tinh thần phối hợp và minh bạch với các bên để quản lý nước bền vững tại các lưu vực nói chung.

Lý thuyết của sự thay đổi (ToC) nêu rõ các tác động hoặc thay đổi mà một tổ chức mong đợi đạt được trên thế giới và làm thế nào hoạt động của tổ chức đó có thể mang lại những thay đổi này. Đi kèm với Phiên bản 2.0 (V2.0), AWS đã có sự áp dụng mới về Lý thuyết của sự thay đổi. Lý thuyết về sự thay đổi mang tính sửa đổi này có tầm nhìn rộng hơn và bao hàm các Tiêu chuẩn AWS, Hệ thống Tiêu chuẩn AWS và Tổ chức AWS.

Bởi vậy, Tiêu chuẩn AWS cần được hiểu là một phần của một nhóm các chiến lược và hoạt động do Liên minh Bảo tồn nước và các đối tác liên quan áp dụng để mang lại sự thay đổi. Quý vị có thể xem nội dung Lý thuyết về sự thay đổi sửa đổi trên trang web của AWS www.a4ws.org

KHẢ NĂNG ÁP DỤNG TIÊU QUẢN QUẢN LÝ NƯỚC QUỐC TẾ CỦA AWS

Tiêu chuẩn AWS có thể áp dụng cho tất cả các tổ chức và ngành công nghiệp, không phụ thuộc vào quy mô và mức độ phức tạp trong hoạt động, bao gồm cả các ngành nông nghiệp và phi lợi nhuận. Trọng tâm của Tiêu chuẩn là các Cơ sở và lưu vực nước địa phương, song với mục tiêu rộng hơn là đưa việc sử dụng nước gián tiếp vào chuỗi cung.

Tiêu chuẩn áp dụng cho tất cả các loại nước sử dụng bởi một tổ chức trong hoạt động hàng ngày, bao gồm nước mặt, nước ngầm, nước tái chế, nước khử mặn (từ nguồn nước biển hoặc nước lợ), nước mưa, nước dự trữ không tái tạo được (nước chôn vùi), và các nguồn bất thường khác như tuyết hoặc băng. Phạm vi áp dụng cho tất cả các hình thức sử dụng nước dù là từ nguồn nước tự nhiên hay từ nhà cung cấp bên thứ ba. Tiêu chuẩn cũng áp dụng đối với việc quản lý và xử lý nước thải.

Tiêu chuẩn có mục tiêu áp dụng đối với bất cứ hình thức và quy mô doanh nghiệp nào ở bất cứ địa bàn nào. Hướng dẫn hiện tại đối với Tiêu chuẩn là hướng dẫn chung cho tất cả các ngành và khu vực. Các hướng dẫn cụ thể cho ngành hoặc khu vực được dự kiến xây dựng trong tương lai, tùy theo nhu cầu cụ thể.

Mỗi tổ chức nên áp dụng quản lý nước bền vững với một “phạm vi thực thể” mở rộng ngoài ranh giới của Cơ sở để thu thập số liệu, thu hút sự tham gia của các bên và thực hiện các hành động khác. Phạm vi thực thể này nên dựa trên kết hợp giữa (các) lưu vực liên quan đến nước, các mối quan tâm của các bên liên quan và khung pháp quy.

Khi hai hoặc nhiều hơn Cơ sở nhỏ (như là các doanh nghiệp nhỏ hoặc trang trại) gần với nhau về mặt địa lý hoặc các Cơ sở này có đặc điểm chung như lưu vực hoặc các lợi ích/hay thách thức tương tự về nước, chúng tôi khuyến khích cân nhắc việc triển khai theo nhóm, được cho phép trong chương trình cấp chứng nhận AWS. Điều này sẽ giúp các Cơ sở này chia sẻ tri thức và nguồn lực, và hợp tác hiệu quả hơn khi tiến hành các hành động tập thể.

HÀNH ĐỘNG CẦN THIẾT

Để tuân thủ Tiêu chuẩn AWS, chúng tôi mong muốn người sử dụng sẽ thực hiện các tiêu chí, với các hành động nêu trong các chỉ số, và coi đó là minh chứng cho việc tuân thủ. Những hành động này được in chữ nghiêng trong Tiêu chuẩn và được định nghĩa như dưới đây, trích từ trang 22 của Bảng Thuật ngữ.

Xác định Có một số hình thức minh chứng (bản cứng, bản điện tử, hoặc các hình thức khác) về sự tuân thủ. Thông tin trình bày phải mang tính định kỳ, đạt mức chính xác và qua một giai đoạn đủ dài để có thể đưa ra kết luận có ý nghĩa có liên quan đến chỉ số. Điều này bao gồm việc phải có (các) quy trình được tài liệu hóa để xác định và ghi chép lại các thuộc tính được liệt kê.

Lập bản đồ Bản đồ nên được lập dưới dạng số hóa và đạt chất lượng để hỗ trợ các bên xác định địa bàn, quy mô và các tài sản vật chất của những thuộc tính được liệt kê. Dạng đồ thị cũng có thể được chấp nhận khi được cho là phù hợp với mục tiêu hơn là một bản đồ.

Lượng hóa Thông tin dạng số trình bày phải mang tính định kỳ, đạt mức chính xác và lập qua một giai đoạn đủ dài để có thể đưa ra kết luận có ý nghĩa có liên quan đến chỉ số. Điều này bao gồm việc phải có (các) quy trình được tài liệu hóa để lượng hóa (nghĩa là bằng các con số) và tài liệu hóa những thuộc tính đã liệt kê.

Đánh giá Có quy trình được tài liệu hóa và có thể nhân rộng, áp dụng quy trình đó để theo dõi việc thực hiện kế hoạch và các cam kết liên quan, cũng như tạo ra những thay đổi dựa trên thông tin về kế hoạch và việc triển khai kế hoạch đó.

Triển khai Một quy trình, thủ tục, hoặc kế hoạch được thực hiện nhằm đạt được kết quả dự kiến.

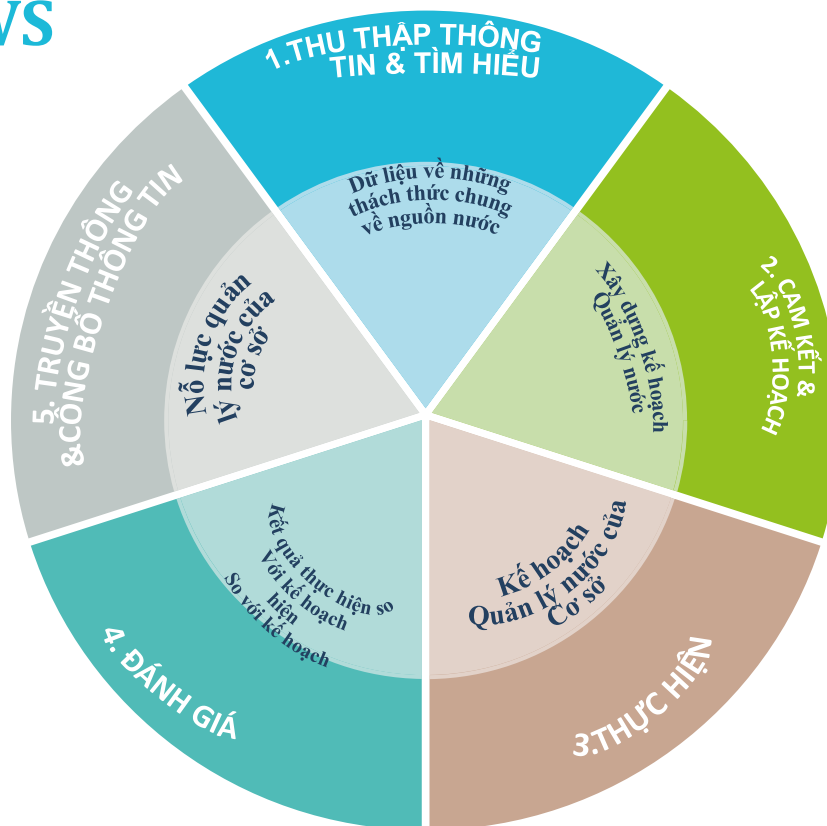
Công bố Làm cho tài liệu trở nên sẵn có/truy cập được với các bên liên quan, và trong một số trường hợp là với công chúng hoặc công bố về tính sẵn có của tài liệu.

CẤU TRÚC CỦA TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ NƯỚC QUỐC TẾ AWS

KHUNG TIÊU CHUẨN AWS ĐƯỢC XÂY DỰNG QUA NĂM BƯỚC:

1. THU THẬP VÀ TÌM HIỂU
2. CAM KẾT VÀ LẬP KẾ HOẠCH
3. TRIỂN KHAI
4. ĐÁNH GIÁ
5. TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mỗi bước bao gồm một số tiêu chí cần thực hiện, mỗi tiêu chí có một hoặc nhiều chỉ số cần tuân thủ. Có một số chỉ số “lõi”, biểu thị quy định tối thiểu, và các “chỉ số nâng cao”, để đạt được mức độ cao hơn về hiện trạng quản lý nước bền vững và thúc đẩy cải thiện liên tục. Các bước không yêu cầu phải tuân theo trình tự nghiêm ngặt, và mặc dù nhìn chung các bước có theo trình tự, các hành động liên quan đến các tiêu chí và chỉ số cụ thể có thể được tiến hành song song.



VIỆC THỰC THI TIÊU CHUẨN NHẪM MỤC ĐÍCH ĐẠT ĐƯỢC NĂM KẾT QUẢ CHÍNH CHO CƠ SỞ ÁP DỤNG VÀ PHẠM VI VẬT LÝ ĐÃ XÁC ĐỊNH CỦA KHU VỰC ĐÓ:

-  QUẢN TRỊ NƯỚC HIỆU QUẢ
-  CÂN BẰNG NƯỚC BỀN VỮNG
-  HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỐT
-  CÁC LĨNH VỰC QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC
-  NƯỚC AN TOÀN, VỆ SINH CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI (WASH)

Mỗi tiêu chí trong Tiêu chuẩn có một hoặc nhiều biểu tượng đi kèm, biểu thị cho kết quả góp phần đạt được nếu hoàn thành tiêu chí.

HÀNH ĐỘNG TẬP THỂ

Không thể đạt được tất cả các kết quả của Tiêu chuẩn AWS đối với một lưu vực nếu chỉ có một tổ chức thực hiện. Điều này đặc biệt đúng với các tổ chức nhỏ. Bởi vậy, nguyên tắc quan trọng trong quản lý nước bền vững là hành động tập thể trong một lưu vực, bao gồm đơn vị quản lý nước và các bên liên quan.

Hành động tập thể cần hỗ trợ và đóng góp cho các sáng kiến lưu vực hiện tại, và không thay thế hoặc cạnh tranh với những sáng kiến đó, với điều kiện là chúng phù hợp với các mục tiêu và kết quả của Tiêu chuẩn AWS. Chứng nhận nhóm được cấp cho các tổ chức triển khai theo nhóm.

CẢI THIẾN LIÊN TỤC

Tiêu chuẩn có mục đích thúc đẩy sự cải thiện liên tục để tăng cường kết quả thực hiện theo thời gian. Trong một số trường hợp, các hành động sớm có thể mang tính cơ bản trong khi các Cơ sở tiến bộ hơn hoặc có hệ thống quản lý nước bền vững phát triển hơn có thể triển khai các kinh nghiệm tốt theo ngành hoặc theo khu vực qua một số hành động hoặc chỉ tiêu. Các Cơ sở phải thu thập và hiểu rõ thông tin về các kinh nghiệm tốt nhất để áp dụng khi lập kế hoạch. Nhìn chung, cần phải có Kinh nghiệm tốt nhất (xem trang 22 Bảng Thuật ngữ) để đạt được các Chỉ số nâng cao. Điều này tạo ra một cơ chế về Cải thiện liên tục và động lực cho các Cơ sở đạt được mức độ Quản lý nước bền vững ở cấp cao theo thời gian. Các chỉ số nâng cao cũng có xu hướng phản ánh các yêu cầu tại cấp lưu vực, mà thường cần có hành động tập thể để đạt được Kết quả dự kiến.

QUẢN LÝ NƯỚC CỐT LÕI VÀ CẤP CAO: CHỨNG NHẬN, CHỨNG NHẬN VÀNG VÀ PLATINUM (BẠCH KIM)

Có ba cấp độ cấp chứng nhận Tiêu chuẩn AWS mà một Cơ sở có thể đạt được: Cốt lõi, Vàng và Platinum. Tất cả các tiêu chí cốt lõi phải đạt yêu cầu tối thiểu để được chứng nhận. Điểm bổ sung được trao trên Cơ sở kết quả thực hiện các tiêu chí cấp cao. Dự kiến, theo thời gian, một Cơ sở sẽ áp dụng những hành động nâng cao với tinh thần cải thiện liên tục. Số điểm càng cao thì mức độ hiệu quả quản lý nước càng cao và chứng nhận AWS cũng càng cao. Số điểm yêu cầu cho mỗi cấp độ chứng nhận là điểm của tất cả các Chỉ số cốt lõi + Chỉ số nâng cao như sau:

AWS Cốt lõi: 0 – 39 điểm

AWS Vàng: 40 – 79 điểm

AWS Platinum: Ít nhất 80 điểm

Trong một số trường hợp, các chỉ số thay đổi từ V1.0 sang V2.0, bởi vậy số điểm cho mỗi chỉ số cũng được phân bổ lại từ V1.0 sang V2.0. AWS đã nỗ lực duy trì sự cân bằng về tính trọng số điểm, song chúng tôi sẽ thu thập phản hồi của người sử dụng trong giai đoạn chuyển tiếp giữa việc tiếp tục sử dụng V1.0 và áp dụng toàn bộ V2.0 để quyết định xem liệu việc tái phân bổ có phù hợp hay không. Tổng điểm chỉ số biểu thị một dải các đơn vị điểm, phản ánh mức độ nỗ lực và việc hoàn thành chỉ số đó. Ban Đánh giá tuân thủ, dựa trên tham vấn với Cơ sở, sẽ quyết định xem phân bổ bao nhiêu đơn vị điểm cho tổng điểm của chỉ số. Bảng chấm điểm hiện tại được nêu tại trang web www.a4ws.org

HÀNH VI CHUNG CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÃ ÁP DỤNG THÀNH CÔNG TIÊU CHUẨN AWS

Được cấp chứng nhận đạt Tiêu chuẩn AWS là một dấu mốc phản ánh rằng Cơ sở đã đáp ứng được định chuẩn toàn cầu về quản lý nước. Các khách hàng, người tiêu dùng, các cơ quan, tổ chức NGO và tổ chức xã hội dân sự đều muốn chắc chắn rằng các đơn vị sử dụng nước khối lượng lớn có trách nhiệm với nước của họ. Việc xác nhận tuân thủ thông qua cấp chứng nhận thể hiện thông điệp mạnh mẽ về cam kết quản lý nước có trách nhiệm.

Trở thành đơn vị quản lý nước bền vững và đạt được chứng nhận là một hành trình. Bước đầu tiên để mỗi Cơ sở nộp hồ sơ xin chứng nhận Tiêu chuẩn AWS là công ty mẹ tham gia làm thành viên của AWS. Với tư cách là thành viên, họ được tiếp cận nhiều hơn với các tri thức và dịch vụ hỗ trợ từ AWS và các đối tác của chúng tôi, và học hỏi từ cộng đồng chung về quản lý nước, những điều làm nên Liên minh Bảo tồn nước.

Một đặc điểm chung nữa của các tổ chức có Cơ sở được chứng nhận là các cán bộ chủ chốt đều tham gia các khóa đào tạo về Tiêu chuẩn AWS do AWS hoặc Giảng viên được AWS kiểm định tổ chức. Qua đào tạo, những cán bộ triển khai hiểu rõ hơn về Cơ sở và chủ Cơ sở cần gì và có thể kết nối mạng lưới cũng như xây dựng mối quan hệ với các Cơ sở khác và các đơn vị cung cấp dịch vụ hướng tới AWS trong cùng khu vực. Yếu tố cuối cùng giúp gắn kết các Cơ sở một cách hiệu quả khi áp dụng Tiêu chuẩn AWS là khi được yêu cầu, họ có được hỗ trợ của chuyên gia từ các Đơn vị cung cấp dịch vụ được kiểm định hoặc cấp chứng nhận bởi AWS, và họ sử dụng được các công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu do AWS xây dựng và thông qua. Quý vị có thể tìm hiểu chi tiết về các yếu tố này qua trao đổi với Văn phòng AWS tại địa phương, có thể liên hệ qua email info@a4ws.org

BƯỚC 1: THU THẬP THÔNG TIN VÀ TÌM HIỂU

THU THẬP SỐ LIỆU ĐỂ HIỂU RÕ CÁC THÁCH THỨC CHUNG VỀ NƯỚC VÀ CÁC RỦI RO, TÁC ĐỘNG VÀ CƠ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

Mục đích: Đảm bảo rằng Cơ sở thu thập số liệu về việc sử dụng nước và bối cảnh của lưu vực, và rằng Cơ sở sẽ sử dụng những số liệu này để hiểu rõ những thách thức chung về nước cũng như đóng góp của Cơ sở (cả tích cực và tiêu cực) đối với những thách thức đó, các rủi ro, tác động và cơ hội liên quan đến nước. Thông tin này cũng cho biết việc xây dựng chiến lược và kế hoạch quản lý nước (Bước 2) và hướng dẫn các hành động (Bước 3) cần thiết để hiện thực hóa các cam kết của Cơ sở.

BƯỚC 1: THU THẬP SỐ LIỆU VÀ TÌM HIỂU

	TIÊU CHÍ		CHỈ SỐ
1.1 	Thu thập thông tin để xác định phạm vi vật lý của Cơ sở nhằm mục đích quản lý nước, bao gồm: các ranh giới hoạt động của Cơ sở; các nguồn nước mà Cơ sở thu nhận; các địa điểm mà Cơ sở xả nước; và (các) lưu vực mà Cơ sở tác động đến và phụ thuộc vào.	1.1.1	Cần phải <i>lập bản đồ</i> về phạm vi vật lý của Cơ sở, có tính đến khung quy định và phạm vi mối quan tâm của các bên liên quan, bao gồm: - Ranh giới của Cơ sở; - Hạ tầng về nước, bao gồm hệ thống đường ống, do Cơ sở hoặc công ty mẹ sở hữu hoặc quản lý; - Bất cứ nguồn nước nào cung cấp nước cho Cơ sở mà do Cơ sở hoặc công ty mẹ sở hữu hoặc quản lý; - Bên cung cấp dịch vụ nước (nếu có) và nguồn nước của họ; - Các điểm xả và bên cung cấp dịch vụ nước thải (nếu có), và thủy vực hoặc các thủy vực tiếp nhận nước cuối cùng; - (Các) lưu vực mà Cơ sở ảnh hưởng và phụ thuộc vào để tiếp nhận nước.
1.2 	Hiểu rõ các bên liên quan, những thách thức về nước của họ, và khả năng của Cơ sở để có thể ảnh hưởng ra ngoài phạm vi địa lý của mình	1.2.1	Cần <i>xác định</i> các bên liên quan và những thách thức về nước của họ. Cần <i>xác định</i> quy trình sử dụng để xác định các bên liên quan. Quy trình này sẽ: - Bao gồm toàn bộ các nhóm bên liên quan như nhóm bị tổn thương, phụ nữ, người dân tộc thiểu số và người bản địa; - Xem xét phạm vi vật lý đã được xác định, bao gồm các bên liên quan, đại diện của nguồn nước cuối cùng của Cơ sở, và thủy vực hoặc các thủy vực tiếp nhận nước cuối cùng; - Cung cấp bằng chứng về việc tham vấn các bên liên quan về những mối quan tâm và thách thức về nước; - Lưu ý rằng năng lực và/hoặc sự sẵn sàng của các bên liên quan khi tham gia có thể khác nhau giữa các nhóm bên liên quan; - Xác định mức độ tham gia của các bên liên quan dựa vào mức độ quan tâm và ảnh hưởng của họ.
		1.2.2	Mức độ ảnh hưởng hiện tại và tiềm năng giữa Cơ sở và các bên liên quan phải được <i>xác định</i> , trong lưu vực và xem xét nguồn nước cuối cùng của Cơ sở cũng như đơn vị tiếp nhận nước thải cuối cùng.
1.3 	Thu thập dữ liệu về nước cho Cơ sở, bao gồm: cân bằng nước; chất lượng nước; Khu vực quan trọng liên quan đến nước, quản trị nước, WASH; chi phí, doanh thu liên quan đến nước và tạo giá trị chung.	1.3.1	Cần <i>xác định</i> các kế hoạch ứng phó sự cố liên quan đến nước hiện tại.
		1.3.2	Cần <i>xác định</i> và <i>lập bản đồ</i> về cân bằng nước tại Cơ sở, bao gồm dòng nước vào, thất thoát, lưu trữ và dòng ra.
		1.3.3	Cần <i>lượng hóa</i> về cân bằng nước, dòng nước vào, thất thoát, lưu trữ và dòng nước ra tại Cơ sở, bao gồm chỉ báo về thay đổi hàng năm của tỷ lệ sử dụng nước. Nơi nào có thách thức về nước, có thể đe dọa tới sự cân bằng nước hiệu quả cho con người hay môi trường, thì cần <i>lượng hóa</i> chỉ báo về những thay đổi cao và thấp hàng năm và hàng mùa, nếu có thể.
		1.3.4	Cần phải <i>lượng hóa</i> chất lượng nước tại (các) nguồn nước của Cơ sở, nước đã cung cấp, nước thải và thủy vực tiếp nhận nước. Nơi nào có thách thức về nước, có thể đe dọa tới sự cân bằng nước hiệu quả cho con người hay môi trường, thì cần <i>lượng hóa</i> chỉ báo về những thay đổi cao và thấp hàng năm, và theo mùa, nếu có.
		1.3.5	Các nguồn có khả năng gây ô nhiễm cần được <i>xác định</i> , và nếu có thể, <i>lập bản đồ</i> , bao gồm các hóa chất được sử dụng hoặc lưu trữ tại Cơ sở.
		1.3.6	Các Khu vực liên quan đến nước quan trọng tại Cơ sở cần phải được <i>xác định</i> và <i>lập bản đồ</i> , bao gồm phần mô tả về hiện trạng khu vực, trong đó có thông tin về giá trị văn hóa bản địa.
		1.3.7	Cần phải <i>xác định</i> các chi phí, doanh thu về nước hàng năm, và mô tả hoặc lượng hóa giá trị xã hội, văn hóa, môi trường hoặc kinh tế liên quan đến nước do Cơ sở tạo ra và sử dụng chúng để thông tin cho việc đánh giá kế hoạch trong phần 4.1.2.
		1.3.8	Cần phải <i>xác định</i> mức độ tiếp cận và tính đầy đủ của WASH tại Cơ sở.

1.4 	Thu thập dữ liệu về việc sử dụng nước gián tiếp của Cơ sở, bao gồm: các đầu vào chính của Cơ sở; việc sử dụng nước gắn với việc sản xuất các đầu vào chính đó, hiện trạng về nước tại xuất xứ của các đầu vào (nơi chúng có thể được <i>xác định</i>); và sử dụng nước trong các dịch vụ được thuê ngoài có liên quan đến nước.	1.4.1	Cần phải <i>xác định</i> việc sử dụng nước của các đầu vào chính, bao gồm số lượng, chất lượng và mức độ rủi ro nước trong lưu vực của Cơ sở.
		1.4.2	Cần phải <i>xác định</i> việc sử dụng nước của các dịch vụ thuê ngoài, và <i>lượng hóa</i> việc sử dụng nước khi những dịch vụ đó phát sinh tại lưu vực của Cơ sở.
		1.4.3	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> việc sử dụng nước của các đầu vào chính tại (các) lưu vực gốc.
1.5 	Thu thập dữ liệu liên quan đến nước cho lưu vực, bao gồm: quản trị nước, cân bằng nước, chất lượng nước, các Khu vực liên quan đến nước quan trọng, hạ tầng, và WASH.	1.5.1	Cần phải <i>xác định</i> các sáng kiến quản trị nước, bao gồm (các) kế hoạch lưu vực, chính sách công về nước, các sáng kiến công đang được thực hiện, và các mục tiêu liên quan nhằm giúp cung cấp cho Cơ sở các cơ hội khả thi về hành động tập thể quản lý nước bền vững.
		1.5.2	Cần phải <i>xác định</i> các quy định pháp lý và pháp quy liên quan đến nước đang áp dụng, bao gồm các quyền sử dụng nước được pháp luật quy định và/hoặc do các bên liên quan xác minh.
		1.5.3	Cần phải <i>lượng hóa</i> cân bằng nước tại lưu vực, và nếu có thể, sự khan hiếm về nước, bao gồm chỉ báo về sự thay đổi theo năm, và nếu có thể thì theo mùa.
		1.5.4	Cần phải <i>xác định</i> , và nếu có thể, <i>lượng hóa</i> chất lượng nước của lưu vực, bao gồm tình trạng vật lý, hóa học và sinh học. Nơi nào có thách thức về nước, có thể đe dọa tới sự cân bằng nước hiệu quả cho con người hay môi trường, thì cần <i>lượng hóa</i> chỉ số về những thay đổi cao và thấp hàng năm, và theo mùa, nếu có.
		1.5.5	Cần phải <i>xác định</i> , và khi có thể, <i>lập bản đồ</i> các Khu vực liên quan đến nước quan trọng, và hiện trạng của chúng, bao gồm bất cứ hiểm họa gì đối với con người hay môi trường thiên nhiên, sử dụng các thông tin khoa học và thông qua sự tham gia của các bên liên quan.
		1.5.6	Cần phải <i>xác định</i> các hạ tầng về nước đang có sẵn hoặc đã lập kế hoạch, bao gồm điều kiện và mức độ rủi ro tiềm năng của các hiện tượng cực đoan.
		1.5.7	Cần phải <i>xác định</i> mức độ đầy đủ của các dịch vụ WASH hiện có trong lưu vực.
		1.5.8	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> các nỗ lực của Cơ sở để hỗ trợ và thực hiện thu thập dữ liệu về nước ở cấp lưu vực.
		1.5.9	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> sự đầy đủ của việc cung cấp WASH trong các lưu vực gốc của các đầu vào chính.
1.6 	Hiểu rõ những thách thức chung trong hiện tại và tương lai tại lưu vực, thông qua việc liên kết những thách thức về nước <i>được xác định bởi</i> các bên liên quan với những thách thức về nước tại Cơ sở	1.6.1	Cần phải <i>xác định</i> và đặt trật tự ưu tiên đối với những thách thức chung về nước từ thông tin thu thập được.
		1.6.2	Cần phải <i>xác định</i> các sáng kiến nhằm giải quyết những thách thức chung về nước.
		1.6.3	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> những vấn đề về nước trong tương lai, trong đó có các tác động và xu hướng dự kiến
		1.6.4	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> các tác động xã hội liên quan đến nước có thể xảy ra, dẫn đến đánh giá tác động xã hội với trọng tâm chính là về nước.

1.7     	Hiểu rõ các rủi ro và cơ hội về nước tại lưu vực: Đánh giá và ưu tiên hóa các rủi ro và cơ hội về nước gây ảnh hưởng đến Cơ sở trên Cơ sở hiện trạng của Cơ sở, các kế hoạch và/hoặc vấn đề và xu hướng rủi ro trong tương lai như đã xác định tại 1.6.	1.7.1	Cần phải <i>xác định</i> , và xây dựng mức độ ưu tiên đối với các rủi ro về nước mà Cơ sở phải đối mặt, bao gồm xác định khả năng và tính trầm trọng của các tác động trong một khoảng thời gian xác định, mức chi phí tiềm tàng và tác động kinh doanh.
		1.7.2	Cần phải <i>xác định</i> các cơ hội liên quan đến nước, bao gồm việc Cơ sở có thể tham gia như thế nào, sự đánh giá và mức độ ưu tiên của các khoản tiết kiệm tiềm năng, và các cơ hội kinh doanh.
1.8     	Hiểu rõ phương pháp thực hành tốt nhất về đạt được các kết quả AWS: xác định các kinh nghiệm tốt nhất theo ngành có tính phù hợp để áp dụng ở cấp địa phương/ lưu vực, cấp vùng hoặc quốc gia.	1.8.1	Cần phải <i>xác định</i> kinh nghiệm tốt nhất tại lưu vực về quản trị nước.
		1.8.2	Cần phải <i>xác định</i> phương pháp thực hành tốt nhất theo ngành và/hoặc lưu vực phù hợp về cân bằng nước (thông qua việc tiết kiệm nước hoặc tổng sử dụng nước ít hơn).
		1.8.3	Cần phải <i>xác định</i> phương pháp thực hành tốt nhất theo ngành và/hoặc lưu vực phù hợp về chất lượng nước, bao gồm lý do lựa chọn nguồn dữ liệu.
		1.8.4	Cần phải <i>xác định</i> phương pháp thực hành tốt nhất theo lưu vực phù hợp về bảo trì Cơ sở đối với các Khu vực liên quan đến nước quan trọng.
		1.8.5	Cần phải <i>xác định</i> phương pháp thực hành tốt nhất theo ngành và hoặc lưu vực về việc cung cấp các dịch vụ WASH công bằng và đầy đủ của Cơ sở.

BƯỚC 2: CAM KẾT VÀ LẬP KẾ HOẠCH

CAM KẾT LÀ NHÀ QUẢN LÝ NƯỚC CÓ TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ NƯỚC

Mục đích: Đảm bảo có đủ sự hỗ trợ về năng lực lãnh đạo, đủ thẩm quyền đối với Cơ sở, và đủ các nguồn lực được phân bổ cho Cơ sở nhằm triển khai Tiêu chuẩn AWS. Bước này tập trung vào việc một Cơ sở sẽ hành động như thế nào đối với những thách thức chung về nước và cải thiện hiệu quả hoạt động của mình cũng như tình trạng lưu vực của mình như thế nào về khía cạnh các kết quả quản lý nước AWS. Bước 2 liên kết những thông tin thu thập được ở Bước 1 với các hành động được triển khai ở Bước 3, bằng cách mô tả ai sẽ làm gì và vào lúc nào.

BƯỚC 2: CAM KẾT VÀ LẬP KẾ HOẠCH

	TIÊU CHÍ		CHỈ SỐ
2.1			2.1.1 Cần phải <i>định ra</i> một bản tuyên bố HOẶC một tài liệu của tổ chức được ký và công bố công khai. Bản tuyên bố hoặc tài liệu đó phải bao gồm những cam kết sau: - Cơ sở đó sẽ triển khai và công bố tiến độ về (những) chương trình quản lý nước nhằm đạt được những tiến bộ trong những kết quả quản lý nước AWS - Việc thực hiện của Cơ sở sẽ phù hợp và được hỗ trợ bởi các kế hoạch hiện có về phát triển lưu vực bền vững - Những bên liên quan của Cơ sở sẽ tham gia vào một cách công khai và minh bạch - Cơ sở sẽ phân bổ các nguồn lực để triển khai Tiêu chuẩn.
			2.1.2 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> một bản tuyên bố bao hàm một cách rõ ràng tất cả các yêu cầu nêu trong Chỉ số 2.1.1 và được ký bởi cơ quan điều hành hoặc quản trị cấp cao nhất của tổ chức và được công bố công khai.
2.2			2.2.1 Cần phải <i>định ra</i> hệ thống nhằm duy trì các nghĩa vụ tuân thủ đối với quản lý nước và nước thải, bao gồm: - Định ra được những người/vị trí chịu trách nhiệm trong cơ cấu tổ chức của Cơ sở - Quy trình báo cáo lên các cơ quan quản lý.
2.3	    		2.3.1 Cần phải <i>định ra</i> một chiến lược quản lý nước nêu rõ được sứ mệnh chung, tầm nhìn và mục tiêu tổng thể của tổ chức hướng tới quản lý nước tốt theo Tiêu chuẩn AWS này.
			2.3.2 Cần phải <i>định ra</i> một kế hoạch quản lý nước, bao gồm cho từng chỉ tiêu: - Kế hoạch sẽ được đo lường và giám sát như thế nào - Những hành động nhằm đạt được và duy trì (hoặc vượt) kế hoạch - Khung thời gian đã được hoạch định để đạt được kế hoạch - Ngân sách tài chính được phân bổ cho những hành động đó - Vị trí của những người chịu trách nhiệm về hành động và về việc đạt được mục tiêu - Nếu có, hãy lưu ý mối liên hệ giữa mỗi mục tiêu và sự đạt được phương pháp thực hành tốt nhất nhằm giúp giải quyết các thách thức chung về nước và các kết quả AWS.
			2.3.3 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> và mô tả các hoạt động hợp tác/quản lý nước của Cơ sở với các Cơ sở khác trong cùng lưu vực (có thể cùng hoặc không cùng thuộc sở hữu của một tổ chức).
			2.3.4 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> các hoạt động hợp tác/quản lý nước của Cơ sở với các Cơ sở khác trong (những) lưu vực khác (thuộc cùng một tổ chức doanh nghiệp hoặc với Cơ sở của doanh nghiệp khác).
			2.3.5 Chỉ số Nâng cao Cần phải có được sự đồng thuận của các bên liên quan về kế hoạch quản lý nước của Cơ sở. Cần phải đạt được sự đồng thuận ít nhất về một mục tiêu. Cần phải <i>định ra</i> danh sách các mục tiêu có sự đồng thuận và các bên liên quan sẽ tham gia vào các mục tiêu đó.
2.4	  		2.4.1 Cần phải <i>định ra</i> một kế hoạch để giảm thiểu rủi ro hoặc thích ứng với rủi ro về nước đã được xác định, kế hoạch này được xây dựng với sự phối hợp của các cơ quan thuộc khu vực công và các đơn vị về Cơ sở hạ tầng có liên quan.
			2.4.2 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> một kế hoạch nhằm giảm thiểu rủi ro hoặc thích ứng với rủi ro với những dự báo về biến đổi khí hậu được xác định xây dựng với sự phối hợp của các cơ quan thuộc khu vực công và các đơn vị về Cơ sở hạ tầng có liên quan.

BƯỚC 3: TRIỂN KHAI

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH QUẢN LÝ NƯỚC CỦA CƠ SỞ VÀ CẢI THIỆN TÁC ĐỘNG

Mục đích: Đảm bảo rằng Cơ sở đang triển khai kế hoạch được phác thảo trong Bước 2, giảm thiểu rủi ro và thúc đẩy những cải thiện thực tế về hiệu quả hoạt động.

BƯỚC 3: TRIỂN KHAI

	TIÊU CHÍ		CHỈ SỐ
3.1			Triển khai kế hoạch tham gia tích cực vào quản trị lưu vực.
			3.1.1 Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng rằng Cơ sở đã hỗ trợ cho quản trị tốt lưu vực.
			3.1.2 Cần phải <i>thực hiện</i> các biện pháp đã được <i>định ra</i> nhằm tôn trọng các quyền về nước của những bên khác, bao gồm cả các Dân tộc Bản địa, mà không nằm trong phần 3.2.
			3.1.3 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng về những tiến bộ trong năng lực quản trị nước từ một ngày là mốc Cơ sở do Cơ sở lựa chọn.
3.2			3.1.4 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng từ một loạt các bên liên quan mang tính đại diện cho thấy sự đồng thuận rằng Cơ sở được coi là đóng góp tích cực vào việc quản trị tốt về nước trong lưu vực.
			3.2.1 Triển khai hệ thống nhằm tuân thủ các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan đến nước và tôn trọng các quyền về nước.
			3.2.2 Cần phải <i>định ra</i> một quy trình để xác minh sự tuân thủ đầy đủ về luật pháp và quy định.
			3.2.2 Trong trường hợp quyền về nước là một phần của các yêu cầu pháp lý và quy định, cần phải <i>thực hiện</i> các biện pháp đã được <i>định ra</i> nhằm tôn trọng quyền về nước của những bên khác, bao gồm cả các Dân tộc Bản địa.
3.3			Triển khai kế hoạch nhằm đạt được các mục tiêu cân bằng nước tại Cơ sở.
			3.3.1 Cần phải <i>xác định</i> tình trạng tiến độ đạt được các mục tiêu cân bằng nước đặt ra trong kế hoạch quản lý nước.
			3.3.2 Trong trường hợp khan hiếm nước là một thách thức chung về nước, cần phải <i>thực hiện</i> các mục tiêu hàng năm nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng nước của Cơ sở hoặc nếu có thể thực hiện hoặc áp dụng được thì làm giảm tổng lượng nước sử dụng.
			3.3.3 Cần phải <i>xác định</i> các tài liệu ràng buộc về mặt pháp lý, nếu có, để tái phân bổ nước cho các nhu cầu xã hội, văn hóa hoặc môi trường.
3.4			3.3.4 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định lượng</i> tổng số khối nước được tự nguyện phân bổ lại (từ việc tiết kiệm nước của Cơ sở) cho các nhu cầu xã hội, văn hóa và môi trường.
			3.4.1 Triển khai kế hoạch để đạt được các chỉ tiêu chất lượng nước của Cơ sở.
			3.4.2 Cần phải <i>xác định</i> tình trạng tiến độ đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng nước đặt ra trong kế hoạch quản lý nước.
			3.4.2 Trong trường hợp chất lượng nước là một thách thức chung về nước, cần phải <i>xác định</i> và nếu có thể thì <i>định lượng</i> sự cải tiến liên tục nhằm đạt được phương pháp thực hành tốt nhất cho nước thải của Cơ sở.
3.5			Triển khai kế hoạch để duy trì hoặc cải thiện các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước của Cơ sở và/hoặc lưu vực.
			3.5.1 Cần phải <i>thực hiện</i> các biện pháp thực hành được đặt ra trong kế hoạch quản lý nước nhằm duy trì và/hoặc nâng cao các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước của Cơ sở.
			3.5.2 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng về sự phục hồi hoàn toàn các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước vốn không hoạt động hoặc bị suy thoái nghiêm trọng, bao gồm cả những giá trị văn hóa từ một ngày là mốc Cơ sở mà Cơ sở lựa chọn, nếu có thể. Các khu vực được phục hồi có thể nằm ngoài Cơ sở, nhưng nằm trong lưu vực.
3.5			3.5.3 Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng từ một loạt các bên liên quan mang tính đại diện cho thấy sự đồng thuận rằng Cơ sở được coi là đóng góp tích cực vào tình trạng lành mạnh của các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước trong lưu vực.

3.6		Triển khai kế hoạch giúp tất cả các công nhân tiếp cận được với nước uống an toàn, giữ vệ sinh hiệu quả và vệ sinh bảo hộ (WASH) tại tất cả các nơi làm việc dưới sự kiểm soát của Cơ sở.	3.6.1	Cần phải <i>xác định</i> và nếu có thể thì <i>định lượng</i> bằng chứng về việc Cơ sở cung cấp đầy đủ nước uống an toàn, giữ vệ sinh hiệu quả và vệ sinh bảo hộ (WASH) cho tất cả công nhân.
			3.6.2	Bằng chứng rằng Cơ sở không vi phạm quyền con người về nước an toàn và giữ vệ sinh của cộng đồng qua vận hành Cơ sở, và rằng các quyền tiếp cận truyền thống cho cộng đồng Bản địa và cộng đồng địa phương đang được tôn trọng, và đã có các hành động khắc phục, hoặc nếu không có sự vi phạm thì các quyền này vẫn đang có hiệu lực.
			3.6.3	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> một danh sách các hành động được thực hiện để cho các bên liên quan có thể tiếp cận được nước uống an toàn, giữ vệ sinh đầy đủ và nhận thức về vệ sinh.
			3.6.4	Chỉ số Nâng cao Tại các lưu vực mà WASH được xác định là một thách thức chung về nước, cần phải <i>xác định</i> bằng chứng về những nỗ lực được <i>thực hiện</i> với các cơ quan thuộc khu vực công liên quan để chia sẻ thông tin và vận động thay đổi để giải quyết vấn đề tiếp cận nước uống an toàn và vệ sinh.
3.7	   	Triển khai kế hoạch duy trì hoặc cải thiện việc sử dụng nước gián tiếp trong lưu vực.	3.7.1	Cần phải <i>định lượng</i> bằng chứng rằng Cơ sở đã đáp ứng được các chỉ tiêu sử dụng nước gián tiếp đặt ra trong kế hoạch quản lý nước, nếu có.
			3.7.2	Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng về sự cam kết với các nhà cung cấp và nhà cung cấp dịch vụ, cũng như, nếu có thể, cần phải <i>xác định</i> các hành động mà họ đã thực hiện trong lưu vực như là kết quả của cam kết của Cơ sở liên quan đến sử dụng nước gián tiếp.
			3.7.3	Chỉ số Nâng cao Cần phải lập thành văn bản và đánh giá những hành động được thực hiện để giải quyết các rủi ro liên quan đến nước và thách thức liên quan đến sử dụng nước gián tiếp bên ngoài lưu vực.
3.8		Triển khai kế hoạch tham gia và thông báo cho chủ sở hữu của bất kỳ hạ tầng chung nào liên quan đến nước về bất kỳ mối quan tâm nào của Cơ sở.	3.8.1	Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng về sự cam kết và các thông điệp chính được chuyển tải kèm xác nhận đã nhận được thông điệp đó.
3.9	    	Thực hiện những hành động để đạt được phương pháp thực hành tốt nhất đối với các kết quả AWS: liên tục cải tiến hướng tới đạt được phương pháp thực hành tốt nhất theo ngành có mức độ phù hợp với địa phương/lưu vực, khu vực hoặc quốc gia.	3.9.1	Cần phải <i>thực hiện</i> những hành động hướng tới đạt được phương pháp thực hành tốt nhất, liên quan đến quản trị nước, nếu áp dụng.
			3.9.2	Cần phải <i>thực hiện</i> những hành động hướng tới đạt được phương pháp thực hành tốt nhất, liên quan đến các chỉ tiêu về cân bằng nước.
			3.9.3	Cần phải <i>thực hiện</i> những hành động hướng tới đạt được phương pháp thực hành tốt nhất, liên quan đến các chỉ tiêu về chất lượng nước.
			3.9.4	Cần phải <i>thực hiện</i> những hành động hướng tới đạt được phương pháp thực hành tốt nhất, liên quan đến các chỉ tiêu về duy trì các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước của Cơ sở.
			3.9.5	Cần phải <i>thực hiện</i> các hành động hướng tới đạt được phương pháp thực hành tốt nhất liên quan đến các chỉ tiêu về WASH.
			3.9.6	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định lượng</i> thành tích đạt được các phương pháp thực hành tốt nhất đã xác định liên quan đến các chỉ tiêu về quản trị nước tốt.
			3.9.7	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định lượng</i> thành tích đạt được các phương pháp thực hành tốt nhất đã được xác định liên quan đến các chỉ tiêu về cân bằng nước bền vững.
			3.9.8	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định lượng</i> những phương pháp thực hành tốt nhất đã được xác định liên quan đến các chỉ tiêu về chất lượng nước.

3.9 (tiếp)		3.9.9	Chỉ số Nâng cao Việc đạt được những phương pháp thực hành tốt nhất liên quan đến các chỉ tiêu về khía cạnh duy trì các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước của Cơ sở đã được thực hiện.
		3.9.10	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định lượng</i> việc đạt được những phương pháp thực hành tốt nhất liên quan đến các chỉ tiêu về khía cạnh WASH.
		3.9.11	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> danh sách những nỗ lực truyền bá những phương pháp thực hành tốt nhất.
		3.9.12	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> một danh sách các nỗ lực hành động tập thể, bao gồm những tổ chức tham gia, vị trí của những người chịu trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan và mô tả về vai trò của Cơ sở.
		3.9.13	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>xác định</i> bằng chứng về sự tiến bộ đã được <i>định lượng</i> là kết quả của hành động tập thể liên quan đến một ngày là mốc Cơ sở do Cơ sở lựa chọn và cần phải <i>xác định</i> bằng chứng từ một loạt các bên liên quan thích hợp được kết nối với hành động tập thể (bao gồm cả những người thực hiện hành động và những người bị ảnh hưởng bởi hành động) rằng Cơ sở đóng góp quan trọng và tích cực vào thành tựu của hành động tập thể đó.

BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ

Mục đích: Đánh giá hiệu quả hoạt động của Cơ sở so với những hành động đã thực hiện ở Bước 3, rút kinh nghiệm từ các kết quả - cả chủ định và ngoài ý muốn - và lấy thông tin cho lần lập kế hoạch quản lý nước tiếp theo. Việc đánh giá này sẽ diễn ra ít nhất là hàng năm, nhưng các Cơ sở nên xem xét đánh giá thường xuyên hơn.

BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ

	TIÊU CHÍ		CHỈ SỐ
4.1 	Đánh giá hiệu quả hoạt động của Cơ sở dựa trên các hành động và chỉ tiêu từ kế hoạch quản lý nước của Cơ sở và thể hiện sự đóng góp của mình trong việc đạt được các kết quả quản lý nước.	4.1.1	Cần phải <i>đánh giá</i> hiệu quả thực hiện so với chỉ tiêu trong kế hoạch quản lý nước của Cơ sở và đóng góp để đạt được các kết quả quản lý nước.
		4.1.2	Cần phải <i>đánh giá</i> việc tạo ra giá trị có được do kế hoạch quản lý nước.
		4.1.3	Cần phải <i>xác định</i> và nếu có thể thì <i>định lượng</i> những lợi ích của giá trị được chia sẻ trong lưu vực.
		4.1.4	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định ra</i> một cuộc đánh giá cấp quản trị hoặc cấp điều hành, bao gồm thảo luận về các thách thức, rủi ro và cơ hội chung về nước, và mọi khoản chi phí tiết kiệm hoặc lợi ích liên quan đến nước được hiện thực hóa, và bất kỳ sự kiện nào có liên quan.
4.2 	Đánh giá tác động của những sự cố khẩn cấp liên quan đến nước (bao gồm cả các sự cố cục đoạn), nếu có, và xác định hiệu quả của các biện pháp khắc phục và phòng ngừa.	4.2.1	Cần phải lập một bản đánh giá hàng năm bằng văn bản và (nếu thích hợp) một bản phân tích nguyên nhân gốc rễ của (những) sự cố khẩn cấp trong năm và cần phải <i>đánh giá</i> phản ứng của Cơ sở đối với (những) sự cố đó và cần phải <i>định ra</i> các hành động ngăn ngừa, khắc phục và các biện pháp giảm thiểu đề xuất đối với các sự cố trong tương lai.
4.3 	Đánh giá ý kiến tham vấn của các bên liên quan về hiệu quả hoạt động quản lý nước của Cơ sở, bao gồm cả hiệu quả của quy trình tham gia của Cơ sở.	4.3.1	Cần phải <i>xác định</i> các nỗ lực tham vấn với các bên liên quan về hiệu quả hoạt động quản lý nước của Cơ sở.
		4.3.2	Chỉ số Nâng cao Các bên liên quan cần phải <i>đánh giá</i> các nỗ lực của Cơ sở trong việc giải quyết các thách thức chung về nước. Điều này bao gồm cả việc các bên liên quan xem xét các nỗ lực của Cơ sở trên tất cả năm khía cạnh của kết quả và đề xuất của họ nhằm cải tiến liên tục.
4.4 	Đánh giá và cập nhật kế hoạch quản lý nước của Cơ sở, kết hợp với những thông tin thu được từ quá trình đánh giá trong bối cảnh cải tiến liên tục.	4.4.1	Cần phải sửa đổi và áp dụng kế hoạch quản lý nước của Cơ sở để bao hàm được mọi thông tin và những bài học kinh nghiệm liên quan từ những đánh giá trong bước này và cần phải <i>xác định</i> những sửa đổi này.

BU'ỚC 5: TRUYỀN THÔNG& CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRUYỀN THÔNG VỀ QUẢN LÝ NƯỚC VÀ CÔNG BỐ CÁC NỖ LỰC QUẢN LÝ NƯỚC CỦA CƠ SỞ

Mục đích: Khuyến khích tính minh bạch và tinh thần trách nhiệm thông qua truyền thông về hiệu quả hoạt động liên quan đến các cam kết, chính sách và kế hoạch. Việc công bố thông tin liên quan cho phép những người khác đưa ra ý kiến sáng suốt về hoạt động của Cơ sở và điều chỉnh sự tham gia của mình cho phù hợp.

BƯỚC 5: TRUYỀN THÔNG & CÔNG BỐ THÔNG TIN

	TIÊU CHÍ		CHỈ SỐ
5.1	 Công bố việc quản trị nội bộ liên quan đến nước của ban điều hành Cơ sở, bao gồm cả các vị trí của những người chịu trách nhiệm về tuân thủ các quy định và luật pháp địa phương liên quan đến nước.	5.1.1	Cần phải <i>công bố</i> về quản trị nội bộ liên quan đến nước của Cơ sở, bao gồm các vị trí của những người chịu trách nhiệm tuân thủ luật pháp và quy định liên quan đến nước.
5.2	 Trao đổi kế hoạch quản lý nước với các bên liên quan.	5.2.1	Cần phải trao đổi với các bên liên quan về kế hoạch quản lý nước, bao gồm cả cách mà kế hoạch quản lý nước đóng góp vào các kết quả theo Tiêu chuẩn AWS.
5.3	     Công bố bản tóm tắt về quản lý nước hàng năm của Cơ sở, bao gồm các thông tin liên quan về hiệu quả hoạt động quản lý nước hàng năm của Cơ sở và kết quả so với mục tiêu của Cơ sở.	5.3.1	Cần phải <i>công bố</i> tối thiểu là hàng năm bản tóm tắt về hiệu quả hoạt động quản lý nước của Cơ sở, bao gồm cả hiệu quả hoạt động đã được định lượng so với mục tiêu.
		5.3.2	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>công bố</i> các nỗ lực của Cơ sở nhằm thực hiện Tiêu chuẩn AWS trong báo cáo hàng năm của tổ chức.
		5.3.3	Chỉ số Nâng cao Cần phải <i>định lượng</i> các lợi ích đem lại cho Cơ sở và các bên liên quan từ việc thực hiện Tiêu chuẩn AWS trong báo cáo hàng năm của tổ chức.
5.4	     Công bố về các nỗ lực nhằm chung tay giải quyết những thách thức chung về nước, bao gồm: các nỗ lực liên kết nhằm giải quyết các thách thức; sự tham gia của các bên liên quan; và sự phối hợp với các cơ quan thuộc khu vực công.	5.4.1	Cần phải <i>công bố</i> những thách thức chung liên quan đến nước và các nỗ lực đã thực hiện của Cơ sở nhằm giải quyết những thách thức này.
		5.4.2	Cần phải <i>xác định</i> các nỗ lực mà Cơ sở thực hiện nhằm thu hút các bên liên quan tham gia vào cũng như phối hợp và hỗ trợ các cơ quan thuộc khu vực công.
5.5	 Truyền thông về sự minh bạch trong tuân thủ liên quan đến nước: cung cấp thông tin về mọi vi phạm tuân thủ liên quan đến nước của Cơ sở khi được yêu cầu cũng như bất kỳ hành động khắc phục nào mà Cơ sở đã thực hiện để ngăn chặn các sự cố xảy ra trong tương lai.	5.5.1	Cần phải <i>công bố</i> bất kỳ vi phạm tuân thủ nào liên quan đến nước của Cơ sở và các biện pháp khắc phục liên quan.
		5.5.2	Nếu áp dụng, cần phải <i>công bố</i> những hành động khắc phục cần thiết được thực hiện bởi Cơ sở nhằm ngăn ngừa các sự cố xảy ra trong tương lai.
		5.5.3	Cần phải trao đổi ngay với cơ quan công quyền có liên quan và <i>công bố</i> bất kỳ vi phạm nào liên quan đến nước của Cơ sở có thể gây ra rủi ro và đe dọa đáng kể đến sức khỏe con người hoặc sức khỏe của hệ sinh thái.

BẢNG THUẬT NGỮ

TẦNG CHỨA NƯỚC. Đơn vị địa chất chứa nước ngầm. Tầng chứa nước phải có đủ độ xốp để giữ nước và đủ độ thấm để nước có thể chảy qua dễ dàng. Độ xốp được tạo ra bởi không gian giữa các hạt đá, và bởi các vết nứt và khe nứt. Các tầng chứa nước xuất hiện với nhiều quy mô, từ các đơn vị nhỏ và cục bộ đến 100 km vuông. Độ dày nằm trong khoảng từ một mét đến hàng trăm mét. Tầng chứa nước ngầm (hoặc tầng chứa nước không bị hạn chế) nằm ngay dưới bề mặt đất và dễ bị ô nhiễm. Một tầng chứa nước hạn chế nằm bên dưới lớp đá không thấm nước (như đất sét) giúp bảo vệ tầng chứa nước này khỏi ô nhiễm bề mặt .

PHÂN BỐ. Số lượng nước được phép rút khỏi một nguồn nước theo điều kiện của giấy phép. Giới hạn số khối nước được xác định cho một hoặc nhiều khoảng thời gian. Ví dụ, mét khối trên năm (m3/năm), mét khối trên ngày (m3/ngày) hoặc lít trên giây (l/s). Các điều kiện có thể phụ thuộc vào mùa hoặc tình trạng khan hiếm nước.

MỐC CƠ SỞ. Bộ quan trắc hoặc dữ liệu ban đầu được sử dụng để so sánh tình trạng tương lai nhờ đó quan sát được những thay đổi (tích cực hoặc tiêu cực). Mốc Cơ sở có thể được đặt ở tình trạng hiện tại hoặc cho một khoảng thời gian trong quá khứ.

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH TỐT NHẤT. Phương pháp thực hành tốt nhất thường là phương pháp thực hành mới hoặc cải tiến so với thực hành tiêu chuẩn nhưng không nhất thiết là như vậy. Trong một số trường hợp, một thực hành tiêu chuẩn đã được thiết lập có thể là thực hành tốt nhất. Không phải tất cả các vấn đề hoặc thách thức đều đã được xác định rõ ràng, phương pháp thực hành được toàn cầu công nhận mà tất cả mọi người đều đồng ý thì là “phương pháp thực hành tốt nhất”. Các phương pháp thực hành tốt nhất có thể được xác định bằng nhiều phương pháp khác nhau như nội dung luật định, dữ liệu khoa học và thông tin của các bên liên quan. Một loại thực tiễn tốt nhất được gọi là Công nghệ Có sẵn Tốt nhất và được định nghĩa là một phương pháp, kỹ thuật hoặc quy trình đã được nghiên cứu và kinh nghiệm chỉ ra là nó tạo ra kết quả tối ưu và được thiết lập hoặc đề xuất là phù hợp để áp dụng rộng rãi.

GIẾNG KHOAN.Một công trình lắp đặt thẳng đứng dưới mặt đất để khai thác nước ngầm. Nó được khoan (hoặc đào) và lót bằng kim loại hoặc ống nhựa để giữ cho nó lộ thiên, và để bảo vệ chống ô nhiễm bề mặt/gần bề mặt. Ở dưới sâu, các ống được xẻ rãnh hoặc được lọc để cho nước vào nhưng ngăn chặn sự xâm nhập của phù sa, cát hoặc các hạt đá. Ở những chỗ cổ kết cứng, các phần cửa thu nước có thể không có lớp lót. Đường kính giếng khoan thường từ 10 đến 30 cm, và độ sâu từ vài mét đến hàng trăm mét, với hầu hết các giếng đều nhỏ hơn 100 m. Thông thường, chúng thường được gọi là giếng hay giếng nước (xem phần **giếng nước**). Ở Nam Á, chúng được gọi là giếng hình ống. Nước thường được khai thác bằng một máy bơm điện chìm được lắp đặt dưới mực nước một vài mét với một ống nối với bề mặt.

LƯU VỰC. Khu vực địa lý mà nước được thu nhận, chảy qua và cuối cùng xả ra tại một hoặc nhiều điểm. Khái niệm này bao gồm cả lưu vực nước mặt và lưu vực nước ngầm. Lưu vực nước mặt được xác định bởi diện tích đất mà từ đó tất cả lượng mưa nhận được đều chảy qua một loạt các con sông, con suối đổ về một cửa sông duy nhất, như một phụ lưu ra con sông lớn hơn, hoặc ra biển. Lưu vực nước ngầm được xác định bởi cấu trúc địa chất của **tầng chứa nước** và các đường dẫn dòng chảy nước ngầm. Lưu vực được làm đầy bởi nước thấm từ bề mặt. Lưu vực có độ dày thẳng đứng (từ vài mét đến hàng trăm mét) và diện tích. Tùy thuộc vào điều kiện địa bàn, các lưu vực nước mặt và nước ngầm có thể tách biệt hoặc liên kết với nhau một cách vật lý. “Lưu vực gốc” để chỉ một lưu vực khác với (những) lưu vực của Cơ sở, nơi một sản phẩm hoặc dịch vụ được sản xuất hoặc có nguồn gốc từ đó. Lưu vực gốc có thể ở bất cứ nơi nào, có thể từ lưu vực liền kề đến lưu vực ở phía bên kia thế giới. Các thuật ngữ thay thế là **lưu vực**, **lưu vực dòng chảy** và **lưu vực sông**. Vui lòng xem Hướng dẫn về 'Lưu vực' để biết thêm chi tiết. .

NƯỚC XẢ. Xả liên quan đến nước từ một Cơ sở, bao gồm thoát nước, nước thải (nước thải ra), nước làm mát đã qua sử dụng và nước dư ra từ thủy lợi. Chất lượng của nước được xả ra có thể nằm trong khoảng từ tốt đến ô nhiễm, tùy thuộc vào nguồn gốc, cách sử dụng và các phương pháp xử lý nước được áp dụng.

ĐƯỢC CÔNG BỐ. Cung cấp một tài liệu cho các bên liên quan và trong một số trường hợp, là làm cho tài liệu có sẵn công khai hoặc công bố công khai về sự có sẵn của tài liệu.

SỰ CÔNG BỐ. Việc cung cấp dữ liệu hoặc thông tin cho các bên liên quan bên ngoài. Các bên này có thể là công chúng nói chung hoặc các bên liên quan cụ thể như cơ quan quản lý, hàng xóm, khách hàng hoặc đại diện xã hội dân sự. Sự công bố phải ở dạng dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với các bên liên quan mục tiêu về mặt định dạng, chi tiết, thuật ngữ và ngôn ngữ. Ví dụ như thông cáo báo chí, báo cáo bên vững, trang web của công ty hoặc gửi trực tiếp đến các bên liên quan mục tiêu (qua thư hoặc qua email).

TÍNH HIỆU QUẢ/TIỆT KIỆM. Tính hiệu quả sử dụng nước là khái niệm sử dụng ít nước ròng hơn cho một mục đích hoặc khối lượng sản xuất tương đương. Ví dụ, sử dụng ít nước hơn để sản xuất ra cùng một khối lượng thành phẩm cuối (được đo bằng l/kg hoặc m3/kg sản xuất ra). Tính hiệu quả có thể không dẫn đến việc sử dụng tổng lượng nước ít hơn nếu khối lượng sản phẩm tăng lên. Các phương pháp để cải thiện hiệu quả sử dụng nước bao gồm: công nghệ (ví dụ: tưới nhỏ giọt), giảm rò rỉ, tái sử dụng và tái chế nước thải.

NƯỚC THẢI. Nước hoặc nước thải được xả ra từ một Cơ sở sau khi được sử dụng. Đây là một thuật ngữ cụ thể hơn là **nước xả ra** (tức là không bao gồm nước thoát ra cống hoặc nước rò rỉ). Chất lượng nước thải có thể nằm trong khoảng từ tốt đến ô nhiễm, tùy thuộc vào nguồn gốc, cách sử dụng và phương pháp xử lý được áp dụng.

NƯỚC GẮN VÀO SẢN PHẨM. Nước đã được sử dụng để sản xuất hoặc tạo ra một vật phẩm, nhưng không hàm chứa bên trong vật phẩm đó. Đối với một cây trồng, đó là lượng nước mà cây đó cần để lớn lên (được tưới tiêu hoặc được tưới bằng nước mưa), được rễ của nó hấp thụ và mất đi qua sự thoát hơi nước và thường nhiều hơn hàng trăm lần so với lượng nước được giữ lại một cách vật lý bên trong cây trồng đó. Nước gắn vào sản phẩm còn bao gồm cả nước được sử dụng để rửa, để chế biến và vận chuyển cây trồng. Đối với một vật phẩm được sản xuất ra (ví dụ như ô tô, máy tính), đó là nước được sử dụng trong quá trình sản xuất ra vật phẩm đó. Đối với quần áo, nước gắn vào sản phẩm bao gồm nước để tạo ra nguyên liệu thô (ví dụ: bông hoặc len) cũng như nước được sử dụng trong sản xuất quần áo. Thuật ngữ thay thế là “nước ảo” và “dấu chân nước”. Có một loạt các phương pháp và cách thức để đánh giá nước gắn vào sản phẩm. Một số bao gồm tổng lượng nước sử dụng, một số khác chỉ bao gồm lượng nước ròng sử dụng. Một số bao gồm sản xuất chính, một số khác bao gồm cả chuỗi cung ứng hoàn chỉnh (ví dụ: khai thác nguyên liệu thô). AWS không định rõ một phương pháp nào.

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ. Có một quy trình được lập thành văn bản và có thể nhân rộng được áp dụng để giám sát việc thực hiện kế hoạch và các cam kết liên quan và để tiến hành các thay đổi sáng suốt với kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

NƯỚC CHÔN VÙI.Nước ngầm xâm nhập vào tầng chứa nước từ hàng nghìn năm trước, thường trong điều kiện khí hậu ẩm ướt hơn hiện tại (đối với vị trí của nó), và đã được lưu trữ dưới lòng đất kể từ thời điểm đó và có tốc độ ngấm nước hiện đại rất thấp hoặc gần bằng không. Nước chôn vùi là nguồn nước không thể tái tạo.

QUẢN TRỊ. Vui lòng xem phần **quản trị nước**

NƯỚC NGẦM.Nước bên dưới bề mặt Trái đất được lưu trữ trong các lỗ rỗng và các vết nứt bên trong đá hoặc các lớp cát và sỏi (các tầng chứa nước). Trong quản lý tài nguyên nước, thuật ngữ này áp dụng cụ thể hơn cho nước có thể được khai thác với tỷ lệ, số lượng và chất lượng khả thi để sử dụng cho con người (được xử lý hoặc không xử lý). Nước mặn hoặc nước chứa trong đá có độ thấm rất thấp thường không được coi là nước ngầm.

ĐƯỢC XÁC ĐỊNH.Có một số hình thức bằng chứng (giấy, điện tử hoặc loại khác) về sự phù hợp. Thông tin được trình bày phải ở tần suất, mức độ chính xác và trong một khoảng thời gian đủ để có thể đưa ra kết luận có ý nghĩa liên quan đến chỉ số. Điều này bao gồm việc có (những) quy trình được lập thành văn bản để xác định và ghi chép lại các thuộc tính được liệt kê.

TÁC ĐỘNG.Có nhiều loại tác động liên quan đến quản lý nước. Đó có thể về mặt vật lý, quy định, tài chính, xã hội hoặc danh tiếng và có thể tích cực hoặc tiêu cực. Mức độ liên quan bao gồm cả tác động từ ảnh hưởng của các bên liên quan đến *Cơ sở* và tác động từ *Cơ sở* đến các bên liên quan và môi trường. Các tác động vật lý bao gồm thay đổi mực nước, lưu lượng nước và ô nhiễm. Bước đầu tiên là xác định một tác động thực tế hoặc tiềm năng. Một tác động có đáng quan tâm hay không phụ thuộc vào quy mô của nó và những người hoặc những gì bị ảnh hưởng. Ví dụ, bơm một giếng khoan có thể làm giảm mực nước trong giếng khoan của nhà hàng xóm. Mực nước giảm từ một mét trở lên trong giếng khoan của nhà hàng xóm thông thường sẽ đáng lo ngại, trong khi một vài mm, thì lại không đáng lo ngại.

ĐƯỢC TRIỂN KHAI.Một quá trình, quy trình hoặc kế hoạch được thực hiện để đạt được kết quả dự kiến.

KHU VỰC QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC (IWRA). Một khu vực hoặc điểm mốc có giá trị cao đối với con người hoặc thiên nhiên từ góc độ môi trường, cộng đồng hoặc văn hóa. Ngoài các khu vực bảo tồn đã được chính thức công nhận, IWRA còn bao gồm các điểm mốc như giếng nước và suối nước dùng để làm nước uống và các điểm mốc có ý nghĩa văn hóa. Nó tương tự như khái niệm Giá trị Bảo tồn Cao (HCV), nhưng tập trung cụ thể hơn vào nước. Phần IWRA của Hướng dẫn chính sẽ đưa ra nhiều nội dung chi tiết hơn.

SỬ DỤNG NƯỚC GIÁN TIẾP. Nước được sử dụng trong chuỗi cung ứng của một *Cơ sở* đại diện cho nước được sử dụng trong sản xuất và cung ứng tất cả các sản phẩm và dịch vụ, ngoại trừ nước được sử dụng tại *Cơ sở*. Trên thực tế, nó là tổng 'nước được gắn vào' của tất cả các sản phẩm và dịch vụ.

HẠ TẦNG. Bao gồm tất cả các thiết bị và hạ tầng nhân tạo để khai thác, phân phối, lưu trữ, xử lý và cung cấp nước, và để thu gom, xử lý và xả nước thải. *Cơ sở* hạ tầng bao gồm các giếng khoan, cửa thu nước mặt, đường ống, kênh đào, hệ thống điều khiển, bể chứa nước và các hệ thống xử lý nước. *Cơ sở* hạ tầng có thể bao gồm các hệ thống xử lý đất ngập nước trong xử lý nước thải. Đối với cấp nước thành phố, hạ tầng *Cơ sở* bao gồm hệ thống phân phối nước.

ĐƯỢC LẬP BẢN ĐỒ. Bản đồ tốt nhất nên ở định dạng kỹ thuật số và có chất lượng cho phép một bên bên ngoài xác định được quy mô vị trí và các đặc điểm vật lý của các thuộc tính được liệt kê. Có thể chấp nhận một sơ đồ vật lý nếu sơ đồ vật lý được coi là phù hợp với mục đích hơn là một bản đồ.

ĐƯỢC THEO DÕI. Đo lường dữ liệu hoặc trạng thái một cách thường xuyên hoặc liên tục với mục đích phát hiện ra thay đổi (hoặc không thay đổi), thường là từ một mốc *Cơ sở*. Thuật ngữ này có thể áp dụng cho các khía cạnh vật lý như mực nước, lưu lượng nước và các thông số chất lượng nước, hoặc cho các khía cạnh định tính như quan điểm của các bên liên quan và xây dựng chính sách.

KẾT QUẢ. Đối với Tiêu chuẩn, thuật ngữ này cụ thể áp dụng cho năm mục tiêu chính mà những người thực hiện, cá nhân và tập thể đạt được: (1) Tình trạng chất lượng nước tốt, (2) Quản trị nước tốt, (3) Cân bằng nước bền vững (4) Tình trạng lành mạnh của các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước (IWRA) và (5) WASH

PHẠM VI VẬT LÝ.Diện tích đất liên quan đến các hoạt động quản lý nước và sự tham gia của *Cơ sở*. Phạm vi vật lý phải bao gồm (những) lưu vực có liên quan nhưng có thể mở rộng đến các biên giới chính trị hoặc hành chính có liên quan. Phạm vi vật lý thường tập trung tại *Cơ sở*, nhưng có thể bao gồm cả các khu vực tách biệt trong trường hợp nguồn cấp nước ở xa hơn.

ĐẦU VÀO CHÍNH. Một hợp phần lớn hơn của các nguyên liệu, thành phần hoặc dịch vụ được sử dụng tại *Cơ sở* để sản xuất ra đầu ra chính (sản phẩm hoặc dịch vụ). Đầu vào chính không bao gồm các vật tư cho các công trình xây dựng hoặc dịch vụ 'một lần duy nhất' như vật tư cho *Cơ sở* hạ tầng hoặc các tòa nhà.

ĐƯỢC ĐỊNH LƯỢNG. Thông tin dạng số được trình bày phải ở tần suất, mức độ chính xác và trong một khoảng thời gian đủ để có thể đưa ra kết luận có ý nghĩa liên quan đến chỉ số. Điều này bao gồm việc có một quy trình được lập thành văn bản để định lượng (tức là bằng số) và ghi chép lại các đặc tính được liệt kê.

THỦY VỰC TIẾP NHẬN NƯỚC.Thủy vực nước mặt hoặc nước ngầm mà cuối cùng tiếp nhận nước xả ra hoặc nước thải của một *Cơ sở*.

THÁCH THỨC CHUNG VỀ NƯỚC. Một vấn đề, mối quan tâm hoặc mối đe dọa liên quan đến nước được *Cơ sở* và một hoặc nhiều bên liên quan trong (những) lưu vực cùng nhau chia sẻ. Ví dụ khan hiếm nước tự nhiên, chất lượng nước suy giảm và các hạn chế về quy định đối với phân bố nước.

CƠ SỞ.Đối với Tiêu chuẩn AWS, *Cơ sở* là khu vực vật lý mà tổ chức thực hiện sở hữu hoặc quản lý đất đai và tiến hành các hoạt động chính của mình. Trong hầu hết các trường hợp, đó là một vùng đất liền kề nhưng cũng có thể bao gồm các vùng đất tách biệt nhau nhưng nằm gần nhau (đặc biệt nếu trong cùng một lưu vực). Đối với một nhà máy, '*Cơ sở*' thường được biểu thị bằng khu vực có hàng rào bao quanh tất cả các tòa nhà, bãi đậu xe và khu lưu trữ. Đối với nông nghiệp, *Cơ sở* bao gồm các cánh đồng, tòa nhà và khu lưu trữ. Khi tổ chức đó vận hành các nguồn nước và/hoặc nhà máy xử lý nước thải của riêng mình, chúng cần phải được coi là một phần của '*Cơ sở*'

Ví dụ: đối với một nhà máy sản xuất nước đóng chai vận hành một nguồn nước riêng biệt về mặt vật lý (ví dụ: suối hoặc giếng khoan), thì nguồn nước đó cần phải được coi là một phần của '*Cơ sở*'. Đối với Chứng nhận Nhóm, mỗi tổ chức cần phải xác định *Cơ sở* của riêng mình, ngoại trừ trường hợp họ chia sẻ đất đai hoặc trang thiết bị với các thành viên khác trong nhóm.

BÊN LIÊN QUAN. Bất kỳ tổ chức, nhóm hoặc cá nhân nào có lợi ích hoặc 'quyền lợi' trong các hoạt động của tổ chức thực hiện và có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng các hoạt động đó. Bốn loại bên liên quan chính là: (1) Những người tác động đến tổ chức; (2) Những người mà tổ chức có (hoặc được coi là có) tác động; (3) Những người có lợi ích chung; (4) Trung lập - những người không có mối liên kết cụ thể, nhưng có liên quan để thông báo cho họ. Liên quan nhất đến quản lý nước là các bên liên quan liên đới đến việc sử dụng nước và sự phụ thuộc vào nước, nhưng sự tham gia không chỉ giới hạn ở những bên này. Vui lòng xem hướng dẫn về 'Tham gia của các bên liên quan' để biết thêm chi tiết.

CHUỖI CUNG.Mạng lưới tất cả các nhà cung cấp và các hoạt động của họ góp phần cung cấp tất cả nguyên liệu, thành phần và dịch vụ cho *Cơ sở* nhằm hỗ trợ các hoạt động sản xuất và vận hành bình thường của *Cơ sở*. Chuỗi cung ứng bắt đầu từ nhà cung cấp nguyên liệu thô (ví dụ: mỏ) hoặc thành phần (ví dụ: trang trại), thông qua mọi nhà cung cấp trung gian để giao hàng tại *Cơ sở* (từ các nhà cung cấp trực tiếp của mình). Chuỗi cung ứng bao gồm chế biến và sản xuất trung gian hàng hóa, bao gói và vận chuyển.

WASH.Viết tắt của Water (Nước), Sanitation (Giữ vệ sinh) và Hygiene (Vệ sinh). Nó được sử dụng trong lĩnh vực phát triển quốc tế để chỉ một khía cạnh tập hợp các nỗ lực nhằm giải quyết các nhu cầu về nước cơ bản của con người và các quyền liên quan đến việc tiếp cận với nguồn nước đủ và an toàn để uống, chế biến và rửa thực phẩm. WASH cũng bao gồm việc cung cấp các trang thiết bị rửa và nhà vệ sinh tốt và nền tảng giáo dục về vệ sinh để chống lại sự lây lan của ốm đau và bệnh tật liên quan đến nước.

NƯỚC THẢI.Nước đã qua sử dụng có chất lượng giảm đi được xả ra từ một *Cơ sở*. Nước đó thường bị nhiễm bẩn trong trạng thái thô của nước, nhưng cần được xử lý, hoặc tại chỗ, hoặc chuyển (bằng đường ống hoặc xe tải) đến *Cơ sở* xử lý nước thải có thẩm quyền.

Nước thải đã qua xử lý phải tuân thủ luật pháp và có chất lượng đủ cao để không gây rủi ro cho thủy vực (hoặc vùng đất nếu áp dụng) tiếp nhận nước. Nước thải an toàn hoặc đã qua xử lý có thể được tái sử dụng trên *Cơ sở*, hoặc bởi những người sử dụng khác để làm giảm nhu cầu nước ban đầu và/hoặc lưu lượng nước thải xả ra. Ví dụ về tái sử dụng nước như tưới tiêu cho vườn hoặc hoa màu, rửa xe và các mục đích sử dụng khác không đòi hỏi nước chất lượng cao.

CÂN BẰNG NƯỚC. Một đánh giá về tất cả lưu lượng nước và lượng nước lưu trữ của một đơn vị. Trong Tiêu chuẩn, yêu cầu phải áp dụng riêng cho Cơ sở, và riêng cho lưu vực. Việc đánh giá cần đo lường tất cả các lưu lượng nước vào, lưu lượng chảy qua, lưu lượng nước ra, lượng nước lưu trữ và những thay đổi trong quá trình lưu trữ. Bước đầu tiên là xác định và vẽ bản đồ từng cấu phần, sau đó định lượng nó. Những thông số trên được kết hợp thành phương trình nước, mà phương trình này cần phải cân bằng (ít nhất là xấp xỉ bằng nhau): {lưu lượng nước ra} = {lưu lượng nước vào} + {thay đổi trong quá trình lưu trữ}. Cân bằng nước bền vững là điều kiện mà việc sử dụng nước liên tục trong lưu vực không có tác động tiêu cực lâu dài đến môi trường tự nhiên và những người sử dụng nước hợp pháp. Tiêu chí này thường được đánh giá theo thang thời gian là hàng năm.

Để có cân bằng bền vững, tổng lượng nước ròng sản xuất ra không vượt quá sự bổ sung nước tự nhiên của các thủy vực, đồng thời đảm bảo các thủy vực duy trì lưu lượng và mực nước khả thi để duy trì sự tồn tại của thủy vực, và các giống loài phụ thuộc vào thủy vực trong tình trạng khỏe mạnh. Một điều kiện mà lưu lượng nước ra luôn lớn hơn lưu lượng nước vào là cân bằng nước không bền vững.

THỦY VỰC. Một thực thể vật lý lớn của nước, mà nhiều nguồn nước có thể lấy nước từ đó. Đối với nước mặt, thủy vực bao gồm sông, hồ, kênh rạch và hồ chứa. Đối với nước ngầm, thủy vực là tầng chứa nước.

QUẢN TRỊ NƯỚC. Quản trị nước bao gồm tất cả các khía cạnh về cách thức nước được quản trị bởi chính phủ, cơ quan quản lý, nhà cung cấp và người sử dụng. Quản trị nước bao gồm quản lý, bảo vệ, phân bổ, giám sát, kiểm soát chất lượng, xử lý, điều tiết, chính sách và phân phối tài nguyên nước. *Quản trị nước tốt* đảm bảo sự chia sẻ có trách nhiệm tài nguyên nước vì lợi ích của những người sử dụng và môi trường tự nhiên phù hợp với các nguyên tắc quản lý nước

CHẤT LƯỢNG NƯỚC. Chất lượng của một thủy vực tự nhiên về các thông số vật lý, hóa học và sinh học. Các tiêu chuẩn chất lượng liên quan được xác định theo quy định và hướng dẫn của quốc gia hoặc địa phương. Trong trường hợp không có những quy định và hướng dẫn của quốc gia và địa phương thì sẽ áp dụng các tiêu chuẩn và quốc tế. *Tình trạng chất lượng nước tốt* là ở khi đáp ứng các yêu cầu của hệ động thực vật bản địa và cho các nhu cầu của con người nếu có. Tình trạng không bắt buộc phải là nguyên sinh (tức là không có chất gây ô nhiễm) hoặc chất lượng nước là nước uống được (là loại được xếp vào tình trạng chất lượng nước cao).

KHAN HIẾM NƯỚC. Thiếu nguồn nước sẵn có để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong một khu vực cho các nhu cầu của môi trường và con người. *Sự khan hiếm nước vật lý* là khi không có đủ nước trong các thủy vực tự nhiên. Nó có thể là một điều kiện tự nhiên (ví dụ: ở những vùng khô hạn), hoặc có thể là kết quả của việc khai thác quá nhiều nước cho con người sử dụng. *Khan hiếm nước về mặt kinh tế* là khi không có đủ nguồn cung cấp cho con người mặc dù dồi dào nước tự nhiên. Đó là một kết quả của sự đầu tư dưới mức cần thiết cho Cơ sở hạ tầng cấp nước, dù do nguyên nhân đói nghèo hoặc quản lý kém.

Một phương pháp phổ biến để đo lường tình trạng khan hiếm nước của các quốc gia hoặc khu vực là so sánh tổng tài nguyên nước có thể tái tạo hàng năm với dân số. Nếu có dưới 1.000 m3/người/năm thì một quốc gia/khu vực được xếp vào loại "khan hiếm nước" và nếu có dưới 500 m3/người/năm là "cực kỳ khan hiếm nước". <http://www.un.org/waterforlifedecade/scarcity.shtml> Phương pháp này có thể chưa đủ để đánh giá về cấp lưu vực, trong đó cần phải sử dụng những dữ liệu địa phương chi tiết hơn.

NGUỒN NƯỚC. Cấu trúc vật lý mà từ đó người ta khai thác một nguồn cung cấp nước từ một thủy vực. Đối với nước ngầm, nguồn nước có thể là suối tự nhiên, giếng khoan hoặc giếng nước. Đối với nước mặt, nguồn nước là một "cửa thu nước". Nguồn nước cũng có thể bao gồm vùng ngay xung quanh của thủy vực chính, trên thực tế, là vùng cung cấp điểm khai thác nước. Có thể áp dụng với nhiều điểm khai thác nước trong trường hợp các điểm này liên hợp với nhau, ví dụ: một cụm giếng.

SỬ DỤNG NƯỚC. Nước được Cơ sở sử dụng cho bất kỳ mục đích nào. Điều quan trọng là phải phân biệt các khái niệm khác nhau về tổng lượng nước sử dụng và lượng nước sử dụng ròng. *Tổng lượng nước sử dụng* (hay tổng lượng nước rút ra) là tổng khối lượng nước đi vào hệ thống cung cấp nước. Tuy nhiên, một phần nước này thường được quay trở lại vòng tuần hoàn nước của địa phương hoặc khu vực. Nước có thể được hoàn trả lại dưới dạng những thất thoát thủy lợi hoặc ở những nơi nước thải được xử lý ở chất lượng cao và được hoàn lại cho thủy vực. Điều này có thể bù đắp một số tác động của việc khai thác nước ban đầu. *Lượng nước sử dụng ròng* là khối lượng nước không được trả lại địa phương. Tồn thất có thể do thoát hơi nước (trong nông nghiệp), tồn thất do bay hơi từ hệ thống làm mát hoặc bể chứa, hoặc nước rời khỏi nơi sản xuất thành phẩm. Lượng nước sử dụng ròng là quan trọng nhất để xem xét các tác động trong lưu vực, và thường ít hơn đáng kể so với tổng lượng nước sử dụng.

THUẬT NGỮ BỔ SUNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

SỰ THOÁT HƠI NƯỚC. Thất thoát nước kết hợp hai quá trình: bốc hơi và thoát hơi. Bốc hơi nước là khi nước bốc hơi từ nước và đất lộ thiên vào khí quyển. Thoát hơi nước là quá trình cây hút nước từ đất qua rễ và nước có thể bốc hơi từ lá. Bởi vì hai quá trình xảy ra cùng nhau trên đất thảm thực vật nên kết hợp chúng trong một thuật ngữ cho tiện.

SUỐI. Một điểm mà nước ngầm tự nhiên chảy ra trên bề mặt. Nhiều suối có lợi thế là mức độ được bảo vệ khỏi ô nhiễm cao hơn ở mức độ này của nước ngầm so với nước mặt. Tuy nhiên, những suối bắt nguồn từ tầng chứa nước nông thì lại dễ bị tác động bởi ô nhiễm hơn.

CỬA THU NƯỚC MẶT. Một công trình để rút nước ra từ một thủy vực nước mặt. Một cửa thu nước cơ bản có thể chỉ là một đường ống và máy bơm được đặt trong nước mà ít quan tâm đến chất lượng nước (ví dụ, dành cho một nông dân nhỏ lấy nước để tưới tiêu). Các thiết kế tinh vi hơn, đặc biệt đối với cấp nước công cộng, có bộ lọc để loại bỏ mảnh vụn và cặn bẩn (trước khi đưa vào xử lý cao cấp hơn). Một số công trình chiết xuất dưới sâu trong thủy vực, là nơi có nước trong và sạch hơn. Vì nước mặt dễ bị ô nhiễm với tốc độ ô nhiễm đang phát triển rất nhanh, nhiều công trình thu nước có hệ thống giám sát và báo động để bảo vệ.

GIẾNG NƯỚC. Công trình đào xuống đất để tiếp cận nguồn nước ngầm. Theo truyền thống, đào thủ công, giếng thường được lót bằng gạch hoặc vật liệu khác để ngăn chặn sự sập giếng. Giếng thường có đường kính từ một đến hai mét và sâu từ một đến vài mét (đủ để chạm tới dưới mực nước ngầm). Nước được nâng lên bằng gầu hoặc máy bơm (bơm bằng tay hoặc máy bơm cơ khí). 'Giếng nước' là thuật ngữ thường được sử dụng chung để bao hàm cả giếng khoan (xem phần [giếng khoan](#)).

LIÊM MINH QUẢN LÝ NƯỚC (SCIO)

**SỐ 2 PHỐ QUALITY,
NORTH BERWICK,
SCOTLAND, EH39 4HW**

**www.a4ws.org
info@a4ws.org**

AWS is registered as a Scottish Charitable Incorporated Organisation (SC045894)